

**TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP  
VIỆT NAM - CTCP**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	10 - 38



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Máy Động lực và Máy Nông nghiệp Việt Nam - CTCP (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Khắc Hải	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Bầu ngày 29/6/2020)
Ông Bùi Quang Chuyên	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Miễn nhiệm ngày 29/6/2020)
Ông Phan Phạm Hà	Thành viên (Bầu ngày 29/6/2020)
Ông Ngô Văn Tuyên	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 29/6/2020)
Ông Vũ Quang Tâm	Thành viên (Tạm thời đình chỉ chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị từ ngày 13/3/2020 và miễn nhiệm từ ngày 29/6/2020)
Bà Nguyễn Thị Nga	Thành viên
Ông Lê Hữu Phúc	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 29/6/2020)
Ông Nguyễn Tiến Vy	Thành viên độc lập
Ông Phan Kim Thoá	Thành viên độc lập (Bầu ngày 29/6/2020)

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Ngô Văn Tuyên	Quyền Tổng Giám đốc (Thôi giữ chức từ ngày 01/4/2020)
Ông Nguyễn Khắc Hải	Quyền Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/4/2020 và miễn nhiệm ngày 29/6/2020)
Ông Phan Phạm Hà	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 29/6/2020)
Ông Hồ Mạnh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Vũ Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Đức Doanh	Phó Tổng Giám đốc (Thôi giữ chức từ ngày 01/4/2021)
Ông Lê Minh Quy	Phó Tổng Giám đốc

#### **Người đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Tổng Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Thời gian</u>
Ông Ngô Văn Tuyên	Quyền Tổng Giám đốc	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 15/4/2020
Ông Nguyễn Khắc Hải	Quyền Tổng Giám đốc	Từ ngày 16/4/2020 đến ngày 30/6/2020
Ông Phan Phạm Hà	Tổng Giám đốc	Từ ngày 01/7/2020

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Tổng Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập các Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tổng Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và Báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tổng Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Phan Phạm Hà**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2021

Số: 240/VACO/BCKi.T.NV2

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Máy Động lực và Máy Nông nghiệp Việt Nam - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Máy Động lực và Máy Nông nghiệp Việt Nam - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 10/4/2021, từ trang 06 đến trang 38 bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (gọi chung là "Báo cáo tài chính riêng").

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng năm 2020, Tổng Công ty chưa đánh giá khả năng thu hồi đối với khoản phải thu khác ngắn hạn về các khoản hỗ trợ vốn cho các đơn vị thành viên; bao gồm giá trị vốn và lãi phát sinh tương ứng là 541.850.446.679 VND và 74.112.623.203 VND (tại ngày 31/12/2019 giá trị tương ứng là 546.180.303.728 VND và 74.658.024.408 VND). Với các bằng chứng kiểm toán đã thu thập được không đảm bảo tính đầy đủ và thích hợp; theo đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải trích lập dự phòng phải thu khó đòi hay điều chỉnh các khoản mục có liên quan trên Báo cáo tài chính riêng hay không.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### *Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)*

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng năm 2020, dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty bao gồm 720.443.191 VND trích lập giảm giá cho giá trị hàng tồn kho tồn đọng, chậm luân chuyển là 112.752.983.232 VND (gồm: Văn phòng Tổng Công ty là 112.037.553.999 VND; Nhà máy Đức - Chi nhánh của Tổng Công ty là 715.429.233 VND); giá trị đã trích lập tại ngày 31/12/2019 là 557.969.476 VND trong tổng giá trị hàng tồn kho tồn đọng, chậm luân chuyển tại Văn phòng Tổng Công ty là 78.728.705.193 VND. Với các bằng chứng kiểm toán đã thu thập được không đảm bảo tính đầy đủ và thích hợp; theo đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh dự phòng giảm giá hàng tồn kho và các khoản mục có liên quan trên Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty hay không.

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính của Công ty con - Công ty Cổ phần Vật tư Thiết bị Toàn bộ ("Maxtexim") được phát hành với ý kiến kiểm toán ngoại trừ, do Kiểm toán viên bị giới hạn bởi vấn đề như dưới đây, tuy nhiên Tổng Công ty chưa đánh giá các ảnh hưởng của vấn đề này đến khả năng suy giảm giá trị khoản đầu tư của Tổng Công ty tại Maxtexim. Nếu áp dụng theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam thì giá trị dự phòng giảm giá khoản đầu tư tại Maxtexim sẽ tăng, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đầu năm sẽ giảm, cụ thể: Nhà máy sắt xộp đã ngừng hoạt động từ nhiều năm, tuy nhiên các chi phí vẫn đang được ghi nhận trên chi tiêu Chi phí trả trước dài hạn tại ngày 31/12/2020 là 242.784.196.720 VND (trong đó, bao gồm chi phí lãi vay phát sinh năm 2020 là 14.599.760.485 VND); đồng thời, Chi nhánh Matexim Bắc Kạn cũng đang ghi nhận Chi phí trả trước dài hạn tại 31/12/2020 là 55.088.101.745 VND.

Tổng Công ty ghi nhận tăng nguyên giá, trích khấu hao tài sản cố định dưới dạng hệ thống, dây chuyền; đồng thời, khi kiểm kê không đối chiếu được số liệu chi tiết của sổ kế toán với số liệu thực tế kiểm kê; do quá trình chuyển giao tài sản của Nhà máy Ô tô VEAM Thanh Hóa - Chi nhánh của Tổng Công ty không xác định chi tiết nguyên giá tài sản tương ứng danh mục tài sản hoạt động độc lập; tổng giá trị tài sản cố định nhận bàn giao vào năm 2010 là 652.959.715.774 VND, giá trị còn lại tại ngày 31/12/2020 khoảng 232 tỷ VND. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để đánh giá và phân loại tài sản chi tiết. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh chi phí khấu hao và các chi tiêu khác có liên quan hay không trên Báo cáo tài chính riêng được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

### *Ý kiến kiểm toán ngoại trừ*

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

### *Các vấn đề cần nhấn mạnh*

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 15 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng, trong đó mô tả Dự án Đầu tư sản xuất máy kéo 4 bánh hạng trung đang tồn đọng; Cơ quan có thẩm quyền đang làm rõ trách nhiệm cá nhân liên quan đến việc phê duyệt dự án; giá trị chi phí xây dựng cơ bản dở dang có thể thay đổi phụ thuộc vào phán quyết của cơ quan có thẩm quyền trong tương lai.

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 20 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng, trong đó mô tả thông tin về việc Tổng Công ty đang tạm trích quỹ từ lợi nhuận năm 2020 theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 109/NQ-HĐQT ngày 18/12/2020: Quỹ khen thưởng, phúc lợi số tiền là 14.744.959.982 VND; quỹ khen thưởng người quản lý số tiền 693.000.000 VND; giá trị thay đổi (nếu có) phụ thuộc vào Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 32 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng, trong đó mô tả thông tin về việc cho đến ngày lập Báo cáo tài chính riêng được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, các cơ quan có thẩm quyền chưa phê duyệt chính thức quyết toán cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Máy Động lực và Máy Nông nghiệp Việt Nam tại thời điểm Công ty mẹ - Tổng Công ty Máy Động lực và Máy Nông nghiệp Việt Nam chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Các vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Tổng Công ty đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán số 0976/VN1A-HN-BC đề ngày 31/3/2020 với ý kiến kiểm toán là ý kiến kiểm toán ngoại trừ do:

- Tổng Công ty chưa trích lập đủ dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại Nhà máy Ô tô VEAM Thanh Hóa - Chi nhánh của Tổng Công ty, chưa trích lập đủ dự phòng phải thu khó đòi tại thời điểm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019. Các vấn đề này tiếp tục ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, như mô tả tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ" trên đây. Ước tính kế toán về việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại Nhà máy Ô tô VEAM Thanh Hóa - Chi nhánh của Tổng Công ty đã được Nhà máy xác định lại trên cơ sở các Chứng thư thẩm định giá số 21P01TĐ0215-01 và số 21P01TĐ0215-02 ngày 26/3/2021 do Công ty Cổ phần Thẩm định giá Vinacontrol phát hành (thuyết minh số 11); vấn đề hạn chế đã được khắc phục trong kỳ lập Báo cáo tài chính 2020.
- Ghi nhận doanh thu, giá vốn của nghiệp vụ bán 450 xe Mighty năm 2017 vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018 với giá trị lần lượt là 261.818.181.900 VND và 229.707.416.374 VND trong khi lô hàng này được bàn giao trong năm 2019. Vấn đề này ảnh hưởng đến số liệu so sánh như được trình bày tại Thuyết minh số 23, 24 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng này được phát hành đồng thời cùng Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020; theo đó, người sử dụng Báo cáo tài chính riêng này nên đọc báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 để thu thập các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm của Tổng Công ty.



**Chữ Mạnh Hoan**  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1403-2018-156-1  
Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2021

**Nguyễn Phương Lan**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0917-2018-156-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>17.822.382.945.897</b>	<b>21.504.761.791.450</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>116.011.356.174</b>	<b>5.321.927.564.095</b>
1. Tiền	111		72.711.356.174	116.617.564.095
2. Các khoản tương đương tiền	112		43.300.000.000	5.205.310.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>12.532.939.564.088</b>	<b>10.670.661.616.953</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		12.532.939.564.088	10.670.661.616.953
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>4.242.222.626.169</b>	<b>4.161.129.059.854</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	354.586.269.255	403.993.576.668
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	196.468.478.568	193.908.736.141
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	4.077.231.166.030	3.894.684.603.856
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(396.770.833.404)	(341.961.446.937)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	9	10.707.545.720	10.503.590.126
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>858.086.185.678</b>	<b>1.269.435.209.163</b>
1. Hàng tồn kho	141		1.321.407.915.037	1.484.149.433.929
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(463.321.729.359)	(214.714.224.766)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>73.123.213.788</b>	<b>81.608.341.385</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	1.457.787.106	1.461.378.669
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		71.545.166.711	74.017.202.658
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	17	120.259.971	6.129.760.058
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>4.032.292.558.106</b>	<b>4.128.567.823.556</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>817.500.000</b>	<b>2.735.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	817.500.000	2.735.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>648.355.854.002</b>	<b>736.595.274.588</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	598.636.775.695	686.442.512.057
- Nguyên giá	222		1.372.256.284.306	1.370.093.270.777
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(773.619.508.611)	(683.650.758.720)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	49.719.078.307	50.152.762.531
- Nguyên giá	228		52.570.286.266	52.570.286.266
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.851.207.959)	(2.417.523.735)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>15</b>	<b>58.334.498.702</b>	<b>57.116.237.793</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		58.334.498.702	57.116.237.793
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5</b>	<b>3.277.722.534.062</b>	<b>3.280.437.079.978</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		2.791.819.550.877	2.791.819.550.877
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		707.098.071.180	707.098.071.180
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		11.001.060.828	11.001.060.828
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(232.196.148.823)	(229.481.602.907)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>47.062.171.340</b>	<b>51.684.231.197</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	47.062.171.340	51.684.231.197
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>21.854.675.504.003</b>	<b>25.633.329.615.006</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính riêng này



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.278.890.011.133</b>	<b>5.301.690.644.009</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.278.890.011.133</b>	<b>5.275.637.852.435</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	14.221.143.005	11.857.336.331
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		6.129.453.350	5.643.434.871
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	42.965.376.673	7.261.607.782
4. Phải trả người lao động	314		22.375.157.508	20.284.775.547
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	16.272.669.712	27.816.131.751
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	1.123.538.940.125	5.190.764.647.956
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		6.252.334.567	1.800.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		47.134.936.193	10.209.918.197
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>26.052.791.574</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	19	-	26.052.791.574
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>20.575.785.492.870</b>	<b>20.331.638.970.997</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>20.575.222.668.518</b>	<b>20.331.449.802.997</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		13.288.000.000.000	13.288.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		13.288.000.000.000	13.288.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.287.222.668.518	7.043.449.802.997
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		29.349.997	20.931.753
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		7.287.193.318.521	7.043.428.871.244
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>562.824.352</b>	<b>189.168.000</b>
1. Nguồn kinh phí	431		562.824.352	189.168.000
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>21.854.675.504.003</b>	<b>25.633.329.615.006</b>



Phan Phạm Hà  
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2021

Văn Đình Quân  
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Hồng  
 Người lập biểu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	443.695.386.821	685.361.586.209
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		7.473.182	5.442.364
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		443.687.913.639	685.356.143.845
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	674.206.212.489	1.022.862.787.969
5. Lợi nhuận/(lỗ) gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		(230.518.298.850)	(337.506.644.124)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	7.921.421.796.308	7.827.342.119.801
7. Chi phí tài chính	22	26	2.807.218.734	80.185.597.553
8. Chi phí bán hàng	25	27	10.970.310.027	33.893.955.769
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	208.182.533.341	191.218.111.353
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		7.468.943.435.356	7.184.537.811.002
11. Thu nhập khác	31		1.639.161.221	1.466.170.367
12. Chi phí khác	32	28	10.272.416.221	97.782.466.951
13. Lợi nhuận/(Lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		(8.633.255.000)	(96.316.296.584)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		7.460.310.180.356	7.088.221.514.418
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	157.678.901.853	44.792.643.174
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		7.302.631.278.503	7.043.428.871.244



Phan Phạm Hà  
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2021

Văn Đình Quân  
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Hồng  
 Người lập biểu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		7.460.310.180.356	7.088.221.514.418
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		90.402.434.115	95.983.078.492
- Các khoản dự phòng	03		302.411.408.297	271.520.601.595
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		97.671.346	75.379.101
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(7.921.159.729.492)	(7.826.571.500.003)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(67.938.035.378)	(370.770.926.397)
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		45.879.117.830	534.404.207.857
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		162.741.518.892	118.202.935.600
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(4.551.650.071)	(62.667.150.046)
- Tăng/(giảm) chi phí trả trước	12		4.625.651.420	24.926.147.082
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(116.883.737.382)	(58.240.874.221)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		1.947.275.583	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(43.429.494.217)	(55.630.094.618)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(17.609.353.323)	130.224.245.257
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(3.429.595.347)	(3.293.410.661)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(12.660.589.752.371)	(11.739.739.566.845)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10.799.984.814.269	9.687.468.904.200
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8.011.273.945.415	7.041.984.251.693
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		6.147.239.411.966	4.986.420.178.387
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(11.335.513.205.618)	(74.025.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(11.335.513.205.618)	(74.025.900)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(5.205.883.146.975)	5.116.570.397.744
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		5.321.927.564.095	205.359.805.369
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(33.060.946)	(2.639.018)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70		116.011.356.174	5.321.927.564.095



Phan Phạm Hà  
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2021

Văn Đình Quân  
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Hồng  
 Người lập biểu

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Máy Động lực và Máy Nông nghiệp Việt Nam - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100103866, đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 10 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 01 tháng 7 năm 2020. Tổng Công ty Máy Động lực và Máy Nông nghiệp Việt Nam - CTCP hoạt động dưới hình thức Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhà nước một thành viên thuộc Bộ Công thương trước khi chuyển đổi thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 4874/QĐ-BCT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Công thương về việc cổ phần hóa Tổng Công ty Máy Động lực và Máy Nông nghiệp Việt Nam - CTCP; Quyết định số 562/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Máy Động lực và Máy Nông nghiệp Việt Nam - CTCP; và Quyết định số 5029/QĐ-BTC ngày 23 tháng 12 năm 2016 của Bộ Công thương về việc Điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ của Tổng Công ty Máy Động lực và Máy Nông nghiệp Việt Nam - CTCP.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, vốn điều lệ của Tổng Công ty Máy Động lực và Máy Nông nghiệp Việt Nam - CTCP là 13.288.000.000.000 VND, được chia thành 1.328.800.000 cổ phần phổ thông, mỗi cổ phần có mệnh giá là 10.000 VND. Từ ngày 02 tháng 7 năm 2018, cổ phiếu của Tổng Công ty Máy Động lực và Máy Nông nghiệp Việt Nam - CTCP được giao dịch trên thị trường Upcom với mã chứng khoán là VEA.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại: Lô D, khu D1, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 827 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 911 người).

#### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Các hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp;
- Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy);
- Sản xuất xe có động cơ, mô tô, xe máy; Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá;
- Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc;
- Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe;
- Sản xuất bì, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác;
- Buôn bán máy móc, thiết bị, phụ tùng máy nông nghiệp, ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe động cơ khác; Bán mô tô, xe máy;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy, bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Sản xuất lò nung, lò luyện, lò nung, các thiết bị hạ, bốc xếp;
- Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén, máy thông dụng khác;
- Sản xuất máy công cụ, máy tạo hình kim loại và máy luyện kim;
- Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng; Sản xuất sắt, thép, gang, đúc sắt, đúc thép, đúc kim loại màu;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại, thùng chứa, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm); Rèn, dập, ép và cán kim loại;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và động cơ khác); Sửa chữa thiết bị khác;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)**

- Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Sửa chữa máy móc thiết bị, thiết bị điện, thiết bị điện tử và quang học;
- Nghiên cứu khoa học và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Hoạt động chuyên môn và hoạt động khoa học khác chưa được phân vào đâu;
- Xây dựng nhà các loại, lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi, điều hòa không khí và hệ thống xây dựng khác; Khai thác quặng sắt, kim loại khác không chứa sắt, quặng kim loại quý hiếm;
- Buôn bán kim loại, quặng kim loại; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường...);
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);
- Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn tổng hợp;
- Bán buôn vải; hàng may sẵn, giày dép; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình, Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và sản phẩm liên quan;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Hoạt động hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

Hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất, kinh doanh xe có động cơ, máy động lực và máy nông nghiệp.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty bao gồm:

STT	Tên chi nhánh	Địa chỉ	Chế độ hạch toán
1	Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh - Tổng Công ty Máy Động lực và Máy Nông nghiệp Việt Nam - CTCP	- Địa chỉ: Số 90 - 92 Trần Bình Trọng, phường 1, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh	Hạch toán phụ thuộc
2	Tổng Công ty Máy Động lực và Máy Nông nghiệp Việt Nam - CTCP - Chi nhánh Nghệ An	- Địa chỉ: Số 284, đường Bình Minh phường Nghi Hương, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An.	Hạch toán phụ thuộc
3	Nhà máy Ô tô VEAM - Tổng Công ty Máy Động lực và Máy Nông nghiệp Việt Nam - CTCP	- Địa chỉ: Phường Bắc Sơn, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hoá.	Hạch toán độc lập từ ngày 01/01/2020
4	Chi nhánh Tổng Công ty Máy Động lực và Máy Nông nghiệp Việt Nam - Nhà máy Đức	- Địa chỉ: Lô B15, khu B, khu công nghiệp Hiệp Phước, đường Nguyễn Văn Tạo, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh.	Hạch toán độc lập từ ngày 01/01/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**

**Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)**

Thông tin chi tiết về các công ty con và công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

STT	Tên công ty con/ Công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
<b>Công ty con</b>					
1	Công ty CP Cơ khí chính xác số 1	Thành phố Hà Nội	51,00	51,00	Sản xuất kinh doanh sản phẩm cơ khí, bơm thủy lực, bơm nước, dụng cụ, khuôn mẫu gá lắp
2	Công ty CP Cơ khí Phố Yên	Thái Nguyên	51,00	51,00	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho các động cơ.
3	Công ty CP Cơ khí Cỏ Loa	Thành phố Hà Nội	53,66	53,66	Vận tải hàng hóa đường bộ
4	Công ty CP Vận tải và Thương mại VEAM	Thành phố Hà Nội	51,00	51,00	Vận chuyển khách, vận tải hàng hóa đường bộ.....
5	Công ty CP Vật tư và Thiết bị Toàn Bộ (i)	Thành phố Hà Nội	51,00	51,99	Bán buôn máy móc, thiết bị và các phụ tùng máy khác
6	Công ty CP Phụ tùng máy số 1	Thái Nguyên	55,00	55,00	Sản xuất, mua bán vật tư, phụ tùng cho xe có động cơ
7	Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp	Thành phố Hà Nội	100,00	100,00	Sản xuất máy kéo, máy nông nghiệp
8	Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo	Bắc Ninh	100,00	100,00	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp
9	Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	Thái Nguyên	100,00	100,00	Sản xuất phụ tùng phục vụ các ngành nông nghiệp, ngư nghiệp
10	Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp miền Nam	Đồng Nai	100,00	100,00	Sản xuất động cơ và máy nông nghiệp
11	Viện Công nghệ	Thành phố Hà Nội	100,00	100,00	Nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao công nghệ các lĩnh vực vật liệu, đúc, nhiệt luyện, cơ khí, tự động hóa.
12	Veam Korea Corporation	Hàn Quốc	89,00	89,00	Xuất khẩu các sản phẩm của Hàn Quốc sang thị trường Việt Nam
13	Công ty CP Cơ khí Vinh (ii)	Nghệ An	49,00	59,93	Sản xuất các cấu kiện kim loại
<b>Công ty liên kết</b>					
1	Công ty CP Nakycó	Thành phố Hồ Chí Minh	49,00	49,00	Sản xuất, mua bán các loại máy móc, thiết bị, phụ tùng
2	Công ty CP Cơ khí An Giang	An Giang	47,41	47,41	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu
3	Công ty CP Đầu tư VEAM Tây Hồ	Thành phố Hà Nội	29,00	29,00	Xây dựng nhà ở và văn phòng làm việc; cung cấp dịch vụ công cộng cho khu đô thị, khu nhà ở và văn phòng
4	Công ty Honda Việt Nam	Vĩnh Phúc	30,00	30,00	Sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu xe máy, ô tô để bán và xuất khẩu
5	Công ty Ô tô Toyota Việt Nam	Vĩnh Phúc	20,00	20,00	Lắp đặt và sản xuất các loại ô tô và phụ tùng ô tô và cung cấp dịch vụ bảo hành, sửa chữa ô tô tại Việt Nam
6	Công ty CP Matexim Hải Phòng (iii)	Hải Phòng	19,46	21,23	Vận tải hành khách, bán buôn kim loại và quặng kim loại

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**

#### **Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)**

##### Ghi chú:

- (i) Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị Toàn Bộ là công ty con của Tổng Công ty do tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp của Tổng Công ty là 51,00% và tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công (là Công ty con mà Tổng Công ty nắm giữ 100% quyền biểu quyết) là 0,99%. Theo đó, tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị Toàn Bộ là 51,99%.
- (ii) Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh là công ty con của Tổng Công ty do tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp của Tổng Công ty là 49,00% và tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1 (là công ty con mà Tổng Công ty nắm giữ 55,00% quyền biểu quyết) là 10,93%. Theo đó, tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh là 59,93%.
- (iii) Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng là công ty liên kết của Tổng Công ty do tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp của Tổng Công ty là 19,46% và tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị Toàn Bộ (là Công ty con mà Tổng Công ty nắm giữ 51,99% quyền biểu quyết) là 1,77%. Theo đó, tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng là 21,23%.

#### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng**

Số liệu so sánh là Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác.

### **2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **Chế độ Kế toán áp dụng**

Tổng Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

#### **Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày bằng đồng Việt Nam (VND) trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của Văn phòng Tổng Công ty và các chi nhánh, các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa Văn phòng Tổng Công ty và các chi nhánh với nhau được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính riêng.

Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng này nên đọc báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 để thu thập các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm.

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý**

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01/01/2017, trong đó bao gồm quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý; theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng giá trị hợp lý theo chính sách kế toán như sau:

- (a) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;
- (b) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a trên đây), Tổng Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy, do đó, Tổng Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

#### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### **Các khoản đầu tư tài chính**

##### **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.



### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

#### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

##### Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

##### *Các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết*

###### *Đầu tư vào công ty con*

Công ty con là các công ty do Tổng Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

###### *Đầu tư vào công ty liên kết*

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết theo giá gốc. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận được chia liên quan đến giai đoạn trước cổ phần hóa được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá của khoản đầu tư được căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư tính từ thời điểm 0h ngày 24/01/2017 (thời điểm Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, với mức trích lập bằng số lỗ của bên nhận đầu tư phát sinh trong giai đoạn này nhân với tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết của Tổng Công ty được đánh giá lại tại thời điểm cổ phần hóa và đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

###### *Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư tính từ thời điểm 0h ngày 24/01/2017 (thời điểm Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, với mức trích lập bằng số lỗ của bên nhận đầu tư phát sinh trong giai đoạn này nhân với tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác của Tổng Công ty được đánh giá lại tại thời điểm cổ phần hóa và đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

#### **Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

##### **Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành.

##### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

##### **Hàng tồn kho**

Phương pháp kế toán để hạch toán hàng tồn kho mà Tổng Công ty sử dụng là phương pháp kê khai thường xuyên. Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

##### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>Thời gian khấu hao</b> <b>(Số năm)</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	04 - 08

Các tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty được đánh giá lại tại thời điểm cổ phần hóa và đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

#### Tài sản cố định vô hình và khấu hao

##### *Quyền sử dụng đất*

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất lâu dài không thực hiện phân bổ. Chi tiết quyền sử dụng các lô đất như sau:

Địa điểm	Thời gian sử dụng
Quyền sử dụng đất tại Lô D, khu D1, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội	50 năm
Quyền sử dụng đất tại số 37 Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	Đang làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
Quyền sử dụng đất tại Khách sạn VEAM Cửa Lò	Lâu dài

##### *Tài sản cố định vô hình khác*

Tài sản cố định vô hình khác bao gồm phần mềm máy tính và bản quyền Website của Tổng Công ty được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích của tài sản.

#### Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

#### Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất và thuê văn phòng, giá trị thương hiệu, và các khoản chi phí trả trước khác.

*Giá trị thương hiệu:* Được ghi nhận trên biên bản xác định doanh nghiệp của Tổng Công ty Máy Động lực và Máy Nông nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa và đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong vòng 10 năm kể từ thời điểm Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

*Tiền thuê đất và thuê văn phòng:* Thể hiện số tiền thuê đã được trả trước. Tiền thuê trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

*Các khoản chi phí trả trước khác:* Bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ chờ phân bổ, chi phí sửa chữa tài sản cố định, chi phí bảo trì tòa nhà và các chi phí nhỏ khác, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

#### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

##### Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương tháng thứ mười ba, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

##### Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn thực góp của các cổ đông.

##### Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

##### Ghi nhận doanh thu

###### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

###### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

#### Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

#### Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Nhà máy có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Nhà máy có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

#### Bên liên quan (Tiếp theo)

Các bên liên quan của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 là:

- Bộ Công thương: Cổ đông chiếm 88,47% vốn điều lệ của Tổng Công ty;
- Các công ty con, liên kết: Như trình bày tại Thuyết minh số 1 - Thông tin khái quát - Cấu trúc doanh nghiệp;
- Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc: Lãnh đạo chủ chốt;
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á: Bà Nguyễn Thị Nga - Thành viên Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty là Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng Quản trị Ngân hàng này;
- Công ty TNHH Mekong Auto: Ông Phạm Vũ Hải - Phó Tổng Giám đốc của Tổng Công ty là Phó Chủ tịch Hội đồng Thành viên của Công ty này.

### 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	446.485.252	582.941.915
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	71.446.401.682	116.034.622.180
Tiền đang chuyển	818.469.240	-
Các khoản tương đương tiền (i)	43.300.000.000	5.205.310.000.000
<b>Cộng</b>	<b>116.011.356.174</b>	<b>5.321.927.564.095</b>

#### Ghi chú:

- (i) Tại ngày 31/12/2020, các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn gốc từ 1 đến 3 tháng và hưởng lãi suất từ 3%/năm đến 3,5%/năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn(i)</b>				
<i>Tiền gửi có kỳ hạn</i>				
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam</i>	4.689.000.000.000	4.689.000.000.000	3.920.000.000.000	3.920.000.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam</i>	1.035.000.000.000	1.035.000.000.000	1.235.000.000.000	1.235.000.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam</i>	5.667.000.000.000	5.667.000.000.000	5.145.000.000.000	5.145.000.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Ba Đình</i>	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hoàng Quốc Việt</i>	-	-	50.000.000.000	50.000.000.000
<i>Ngân hàng TMCP TMCP Đông Nam Á - CN Hà Nội</i>	895.000.000.000	895.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Sài Gòn</i>	-	-	45.000.000.000	45.000.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM - CN BìnhPhước</i>	84.060.180.531	84.060.180.531	26.966.027.912	26.966.027.912
<i>Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Quận 4</i>	62.879.383.557	62.879.383.557	48.695.589.041	48.695.589.041
<b>Cộng</b>	<b>12.532.939.564.088</b>	<b>12.532.939.564.088</b>	<b>10.670.661.616.953</b>	<b>10.670.661.616.953</b>

Ghi chú:

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại các Ngân hàng thương mại bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng và hưởng lãi suất từ 4,9% đến 7,2%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: từ 7,1% đến 7,5%/năm).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư vào công ty con</b>						
Công ty CP Cơ khí Chính xác số 1	50.015.670.456	-	(ii)	50.015.670.456	-	(ii)
Công ty CP Cơ khí Phở Yên	22.810.192.474	-	(v)	22.810.192.474	-	(v)
Công ty CP Cơ khí Cổ Loa	295.794.759	-	(ii)	295.794.759	-	(ii)
Công ty CP Vận tải và Thương mại VEAM	-	-	(ii)	-	-	(ii)
Công ty CP Vật tư và Thiết bị Toàn Bộ	127.576.996.194	-	(ii)	127.576.996.194	-	(ii)
Công ty CP Phụ tùng máy số 1	60.825.843.242	-	118.764.529.500	60.825.843.242	-	116.817.570.000
Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp	95.960.790.920	(95.960.790.920)	(ii)	95.960.790.920	(91.246.508.988)	(ii)
Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo (iii)	420.001.038.861	(39.265.544.031)	(ii)	420.001.038.861	(27.365.898.017)	(ii)
Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	1.489.915.335.079	-	(ii)	1.489.915.335.079	-	(ii)
Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam	347.000.000.000	(71.226.496.780)	(ii)	347.000.000.000	(87.436.250.948)	(ii)
Viện Công nghệ	160.145.083.264	(14.432.809.653)	(ii)	160.145.083.264	(12.122.437.515)	(ii)
Veam Korea Corporation	16.512.996.840	-	(ii)	16.512.996.840	-	(ii)
Công ty CP Cơ khí Vinh	759.808.788	(759.808.788)	(ii)	759.808.788	(759.808.788)	(ii)
<b>Cộng</b>	<b>2.791.819.550.877</b>	<b>(221.645.450.172)</b>		<b>2.791.819.550.877</b>	<b>(218.930.904.256)</b>	
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>						
Công ty CP Nakycó	10.550.698.651	(10.550.698.651)	(ii)	10.550.698.651	(10.550.698.651)	(ii)
Công ty CP Cơ khí An Giang	23.823.075.776	-	(ii)	23.823.075.776	-	(ii)
Công ty CP Đầu tư VEAM Tây Hồ (iv)	9.467.051.066	-	(ii)	9.467.051.066	-	(ii)
Công ty Honda Việt Nam	359.311.428.087	-	(ii)	359.311.428.087	-	(ii)
Công ty Ô tô Toyota Việt Nam	287.776.054.812	-	(ii)	287.776.054.812	-	(ii)
Công ty CP Matexim Hải Phòng	16.169.762.788	-	(ii)	16.169.762.788	-	(ii)
<b>Cộng</b>	<b>707.098.071.180</b>	<b>(10.550.698.651)</b>		<b>707.098.071.180</b>	<b>(10.550.698.651)</b>	
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>						
Công ty CP Kumba	11.001.060.828	-	(ii)	11.001.060.828	-	(ii)
Công ty TNHH Mekong Auto	-	-	(ii)	-	-	(ii)
<b>Cộng</b>	<b>11.001.060.828</b>	-		<b>11.001.060.828</b>	-	



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

### 5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú:

- (ii) Ngoài các khoản đầu tư có giá giao dịch trên thị trường Upcom tại ngày kết thúc kỳ kế toán, giá trị hợp lý được xác định theo giá thị trường, đối với các khoản đầu tư còn lại, Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Giá giao dịch trên thị trường Upcom của cổ phiếu được xác định như sau: Giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.

- (iii) Theo Quyết định số 46/QĐ-VEAM/HĐQT ngày 18/10/2017 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Máy Động lực và Máy Nông nghiệp Việt Nam - CTCP, Tổng Công ty phê duyệt điều chỉnh vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo - Công ty con lên 633 tỷ VND. Theo đó, ngày 02/7/2018, Tổng Công ty đã tạm cấp vốn cho Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo 142 tỷ VND. Ngày 29/5/2020, Tổng Công ty đã ban hành Nghị quyết số 47/NQ-HĐQT về việc thu hồi 142 tỷ VND đã tạm cấp cho Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo để thực hiện dự án. Hội đồng Quản trị Tổng Công ty chưa ban hành quyết định điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng hoặc Quyết định thu hồi Quyết định số 46/QĐ-VEAM/HĐQT, do đó Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo - Công ty con đang ghi nhận khoản cấp vốn trên trên chi tiêu Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản.
- (iv) Tổng Công ty đã góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư VEAM Tây Hồ bằng quyền sử dụng đất tại Lô D, khu D1, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103022083. Tuy nhiên, Tổng Công ty đã thực hiện mua lại 5 tầng văn phòng và đang trong quá trình thực hiện các thủ tục chuyển giao quyền sử dụng đất cho Công ty Cổ phần Đầu tư VEAM Tây Hồ.
- (v) Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên - Công ty con được niêm yết trên thị trường Upcom. Tuy nhiên, giao dịch hạn chế, Tổng Công ty không có kế hoạch thoái vốn tại Công ty con này; hàng năm Tổng Công ty vẫn nhận cổ tức từ Công ty con này. Theo đó, Tổng Công ty không xác định giá trị hợp lý theo các giao dịch hạn chế đó.

Các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư vào đơn vị khác của Tổng Công ty được đánh giá lại tại thời điểm cổ phần hóa và đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Ghi chú (Tiếp theo):

*Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên doanh, liên kết*

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con, công ty liên doanh liên kết trong năm 2020 như sau:

	<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Tình hình hoạt động của công ty con</b>		
Công ty CP Cơ khí Chính xác số 1	Lãi	Lãi
Công ty CP Cơ khí Phở Yên	Lãi	Lãi
Công ty CP Cơ khí Cổ Loa	Lỗ	Lỗ
Công ty CP Vận tải và Thương mại VEAM	Lãi	Lãi
Công ty CP Vật tư và Thiết bị Toàn Bộ	Lỗ	Lãi
Công ty CP Phụ tùng máy số 1	Lãi	Lãi
Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp	Lỗ	Lỗ
Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo	Lỗ	Lỗ
Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	Lãi	Lãi
Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam	Lãi	Lỗ
Viện Công nghệ	Lỗ	Lỗ
Veam Korea Corporation	Lỗ	Lỗ
Công ty CP Cơ khí Vinh	Lỗ	Lỗ
<b>Tình hình hoạt động của công ty liên kết</b>		
Công ty CP Nakycos	Lỗ	Lỗ
Công ty CP Cơ khí An Giang	Lãi	Lãi
Công ty CP Đầu tư VEAM Tây Hồ	Lãi	Lãi
Công ty Honda Việt Nam	Lãi	Lãi
Công ty Ô tô Toyota Việt Nam	Lãi	Lãi
Công ty CP Matexim Hải Phòng	Lãi	Lỗ
<b>Tình hình hoạt động của các công ty đầu tư khác</b>		
Công ty CP Kumba (*)		
Công ty TNHH Mekong Auto (*)		

Ghi chú:

(\*) Tại ngày phát hành Báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Kumba và Công ty TNHH Mekong Auto cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>354.586.269.255</b>	<b>403.993.576.668</b>
Công ty CP Matexim Hải Phòng	95.421.179.437	95.445.438.535
Công ty CP Vận tải và Thương mại VEAM	70.617.500.000	71.900.000.000
Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy Nông nghiệp	70.729.376.541	71.107.188.267
Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo	22.861.531.196	22.921.531.196
Chi nhánh Công ty CP Vật tư và Thiết bị toàn bộ tại Đà Nẵng	13.205.936.501	13.205.936.501
Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam	13.469.772.376	13.626.335.403
Phải thu các đối tượng khác	68.280.973.204	115.787.146.766

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

#### 7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>196.468.478.568</b>	<b>193.908.736.141</b>
Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto (*)	169.843.641.459	164.714.499.459
Công ty CP Kiến trúc Phục Hưng	9.406.950.000	9.406.950.000
Công ty TNHH Shandong Tangjun Ouling	9.000.000.000	9.000.000.000
CN Công ty CP Matexim Hải phòng tại Quảng Ninh	6.800.000.000	6.800.000.000
Các đối tượng khác	1.417.887.109	3.987.286.682

#### Ghi chú:

- (\*) Bao gồm khoản ứng trước cho Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto theo hợp đồng số 16/2014/VEAM-Mekong Auto ký ngày 22/10/2014 số tiền là 135.025.849.230 VND (tại ngày 31/12/2019 là 129.896.707.230 VND). Theo hợp đồng, Tổng Công ty sẽ thanh toán trước toàn bộ giá trị linh kiện nhập khẩu cho Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto theo các chứng từ nhập khẩu để Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto lắp ráp và bán cho Tổng Công ty 1500 sản phẩm xe tải nhẹ nhãn hiệu Changan Model SC1022DBN4FA. Đến thời điểm ngày 31/12/2020, Tổng Công ty đã thanh toán toàn bộ giá trị linh kiện nhập khẩu cho Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto và nhận được 239 xe lắp đặt hoàn chỉnh; khoản công nợ còn lại tương ứng với số linh kiện Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto đã nhập khẩu nhưng chưa bàn giao xe cho Tổng Công ty.

#### 8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Phải thu khác ngắn hạn</b>	<b>4.077.231.166.030</b>	<b>3.894.684.603.856</b>
Phải thu về Cổ tức, Lợi nhuận được chia	3.062.998.142.660	2.936.411.280.370
Phải thu về lãi dự thu hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	333.417.607.421	273.776.927.159
Phải thu về hỗ trợ vốn (i)	541.850.446.679	546.180.303.728
Phải thu về lãi hỗ trợ vốn (i)	74.112.623.203	74.658.024.408
Tạm ứng nghiên cứu đề tài khoa học (ii)	20.998.347.908	21.058.347.908
Phải thu về cổ phần hóa (iii)	10.164.296.365	10.164.296.365
Người lao động tạm ứng	493.243.541	477.618.926
Phải thu khác	33.196.458.253	31.957.804.992

#### Ghi chú:

- (i) Tại ngày 31/12/2020, Tổng Công ty chưa thực hiện đánh giá khả năng thu hồi của các khoản phải thu về hỗ trợ vốn với số tiền là 541.850.446.679 VND (tại ngày 31/12/2019 là 546.180.303.728 VND) và các khoản phải thu về lãi hoạt động hỗ trợ vốn đối với các công ty con và công ty liên kết với số tiền là 74.112.623.203 VND (tại ngày 31/12/2019 là 74.658.024.408 VND);
- (ii) Các khoản phải thu Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy Nông nghiệp và Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo do tạm ứng đề tài nghiên cứu khoa học;
- (iii) Các khoản phải thu về cổ phần hóa phản ánh các khoản chi phí phát sinh liên quan đến quá trình cổ phần hóa. Giá trị này có thể được điều chỉnh lại khi có phê duyệt cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**9. TÀI SẢN THIỂU CHỜ XỬ LÝ**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Hàng tồn kho	10.110.263.771	9.906.308.177
Tài sản cố định	597.281.949	597.281.949
<b>Cộng</b>	<b>10.707.545.720</b>	<b>10.503.590.126</b>

Ghi chú:

Bao gồm giá trị hàng tồn kho và tài sản cố định thiếu phát hiện trong quá trình kiểm kê:

- Hàng tồn kho phát hiện thiếu tại Văn phòng Tổng Công ty tại ngày 31/12/2020 với giá trị là 3.882.945.708 VND (tại ngày 31/12/2019 là 2.048.351.579 VND)
- Hàng tồn kho kiểm kê phát hiện thiếu tại Nhà máy Ô tô VEAM - Chi nhánh của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2020 với giá trị là 6.227.318.063 VND (tại ngày 31/12/2019 là 7.857.956.598 VND)
- Tài sản cố định kiểm kê phát hiện thiếu tại Văn phòng Tổng Công ty tại ngày 31/12/2020 với giá trị là 597.281.949 VND (tại ngày 31/12/2019 là 597.281.949 VND)

**10. NỢ XẤU**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>307.985.138.850</b>	<b>9.112.121.173</b>	<b>306.271.859.784</b>	<b>14.928.205.076</b>
Công ty CP Vận tải và Thương mại VEAM	70.617.500.000	1.917.500.000	71.900.000.000	2.200.000.000
Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp	70.729.376.541	1.242.257.500	71.107.188.267	1.739.160.500
Công ty CP Matexim Hải Phòng	95.421.179.437	43.200.000	95.428.938.535	115.200.000
Các đối tượng khác	71.217.082.872	5.909.163.673	67.835.732.982	10.873.844.576
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>185.713.641.459</b>	<b>135.025.849.230</b>	<b>180.584.499.459</b>	<b>129.966.707.230</b>
Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto	169.843.641.459	135.025.849.230	164.714.499.459	129.896.707.230
Công ty TNHH Shandong Tangjun Ouling Automobile Manufacture	9.000.000.000	-	9.000.000.000	-
Chi nhánh Công ty CP Matexim Hải Phòng tại Quảng Ninh	6.800.000.000	-	6.800.000.000	-
Công ty CP Nakycos	70.000.000	-	70.000.000	70.000.000
<b>Phải thu khác</b>	<b>50.188.590.382</b>	<b>2.978.566.884</b>	<b>50.319.090.382</b>	<b>50.319.090.382</b>
Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo	8.418.468.804	2.525.540.641	8.478.468.804	8.478.468.804
Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp	12.579.879.104	445.629.100	12.579.879.104	12.579.879.104
Công ty CP Vật tư và Thiết bị Toàn Bộ	22.266.600.000	-	22.266.600.000	22.266.600.000
Thuế TNCN chương trình "Khách hàng thân thiện"	3.791.830.000	-	3.862.330.000	3.862.330.000
Các đối tượng khác	3.131.812.474	7.397.143	3.131.812.474	3.131.812.474
<b>Cộng</b>	<b>543.887.370.691</b>	<b>147.116.537.287</b>	<b>537.175.449.625</b>	<b>195.214.002.688</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**11. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng đang đi trên đường	17.175.859	-	1.342.324.665	-
Nguyên liệu, vật liệu	94.764.333.188	(30.813.784.670)	121.101.416.956	(4.662.038.827)
Công cụ, dụng cụ	40.587.866.804	(3.739.918.447)	41.058.205.040	-
Chi phí SXKD dở dang	23.287.557.701	-	19.614.881.000	(2.149.707.133)
Thành phẩm	754.556.212.126	(307.734.876.552)	723.703.310.044	(135.312.690.625)
Hàng hóa	175.938.084.558	(34.544.687.638)	201.250.398.760	(2.423.637.686)
Hàng gửi bán	232.256.684.801	(86.488.462.052)	376.078.897.464	(70.166.150.495)
<b>Cộng</b>	<b>1.321.407.915.037</b>	<b>(463.321.729.359)</b>	<b>1.484.149.433.929</b>	<b>(214.714.224.766)</b>

Tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Số dư đầu năm	214.714.224.766	36.531.753.041
Dự phòng trích trong năm	252.282.453.063	183.893.092.756
Hoàn nhập, sử dụng trong năm	(3.674.948.470,00)	(5.710.621.031)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>463.321.729.359</b>	<b>214.714.224.766</b>

**Ghi chú:**

- (i) Giá trị hàng tồn kho chậm luân chuyển tại Nhà máy Ô tô Veam Thanh Hóa tại ngày 31/12/2020 là 969.956.746.024 VND (tại ngày 31/12/2019 là 1.162.583.309.854 VND), Nhà máy đã sử dụng chuyên gia - Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol Hà Nội để giám định và Công ty Cổ phần Thẩm định giá Vinacontrol để thẩm định lại giá trị của hàng tồn kho. Theo các Chứng thư thẩm định giá số 21P01TĐ0215-01 ngày 26/3/2021 về xác định giá trị thành phẩm tồn kho, Chứng thư thẩm định giá số 21P01TĐ0215-02 ngày 26/3/2021 về xác định giá trị linh kiện tồn kho Nhà máy đã tăng trích lập dự phòng giảm giá thành phẩm tồn kho với số tiền là 182.596.570.369 VND (tại 31/12/2019 đã trích lập 209.494.216.463 VND), tăng trích lập dự phòng giảm giá linh kiện tồn kho với số tiền là 69.201.255.772 VND (tại 31/12/2019 đã trích lập là 4.662.038.827 VND); tổng giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Nhà máy đã trích lập tại ngày 31/12/2020 là 462.601.286.168 VND (tại ngày 31/12/2019 là 214.156.255.290 VND).
- (ii) Tại ngày 31/12/2020, giá trị hàng tồn kho chậm luân chuyển của Văn phòng Tổng Công ty là 112.037.553.999 VND, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 235.816.269 VND (tại ngày 31/12/2019 là 78.728.705.193 VND, dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập là 557.969.476 VND), cụ thể như sau:
  - Hàng tồn kho ứ đọng nhiều năm với số tiền là 60.171.715.552 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 49.978.667.927 VND)
  - Hàng tồn kho mất phẩm chất, kém phẩm chất tại ngày 31/12/2020 với số tiền là 24.956.724.077 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 1.840.922.896 VND)
  - Hệ thống khuôn dập cabin với số tiền là 26.909.114.370 VND (tại 31 tháng 12 năm 2019 là 26.909.114.370 VND) đã tồn kho lâu ngày nhưng chưa được sử dụng.
- (iii) Giá trị hàng tồn kho chậm luân chuyển tại Nhà máy Đức tại ngày 31/12/2020 là 715.429.233 VND (tại ngày 31/12/2019 là 0 VND), dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập là 484.626.922 VND (tại ngày 31/12/2019 là 0 VND)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b><i>Ngắn hạn</i></b>	<b><i>1.457.787.106</i></b>	<b><i>1.461.378.669</i></b>
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	499.234.441	370.430.315
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	958.552.665	1.090.948.354
<b><i>Dài hạn</i></b>	<b><i>47.062.171.340</i></b>	<b><i>51.684.231.197</i></b>
Công cụ dụng cụ	2.538.612.284	3.542.450.105
Tiền thuê đất, thuê văn phòng (i)	23.001.293.915	22.154.501.926
Chi phí thương hiệu (ii)	18.844.213.886	21.879.887.463
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.678.051.255	4.107.391.703
<b>Cộng</b>	<b><u>48.519.958.446</u></b>	<b><u>53.145.609.866</u></b>

Ghi chú:

- (i) Tiền thuê đất bao gồm tiền thuê đất tại văn phòng số 90-92 Trần Bình Trọng - Thành phố Hồ Chí Minh đến ngày 15/4/2028 là 11.104.860.214 VND (tại ngày 31/12/2019 là 12.526.052.735 VND; tiền thuê đất tại Phòng thí nghiệm Tiên Sơn đến ngày 01/9/2022 là 2.600.000.000 VND (tại 31/12/2019 là 0 VND), tiền thuê đất tại Lô B15, khu B, xã Hiệp Phước là 9.296.433.701 VND (tại ngày 31/12/2019 là 9.628.449.191 VND).
- (ii) Thể hiện giá trị thương hiệu của Tổng Công ty được tính vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa doanh nghiệp và được phân bổ trong 10 năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày đầu năm	592.796.122.320	736.764.520.482	33.285.958.660	5.395.869.315	1.850.800.000	1.370.093.270.777
- Mua trong năm	-	612.560.000	1.281.836.364	220.296.256	-	2.114.692.620
- Đầu tư XDCB hoàn thành	48.320.909	-	-	-	-	48.320.909
Tại ngày cuối năm	<u>592.844.443.229</u>	<u>737.377.080.482</u>	<u>34.567.795.024</u>	<u>5.616.165.571</u>	<u>1.850.800.000</u>	<u>1.372.256.284.306</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày đầu năm	229.231.821.624	423.352.510.574	24.241.265.728	4.991.684.902	1.833.475.892	683.650.758.720
- Khấu hao trong năm	26.076.266.428	60.006.207.466	3.718.823.397	150.128.492	17.324.108	89.968.749.891
Tại ngày cuối năm	<u>255.308.088.052</u>	<u>483.358.718.040</u>	<u>27.960.089.125</u>	<u>5.141.813.394</u>	<u>1.850.800.000</u>	<u>773.619.508.611</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày đầu năm	<u>363.564.300.696</u>	<u>313.412.009.908</u>	<u>9.044.692.932</u>	<u>404.184.413</u>	<u>17.324.108</u>	<u>686.442.512.057</u>
Tại ngày cuối năm	<u>337.536.355.177</u>	<u>254.018.362.442</u>	<u>6.607.705.899</u>	<u>474.352.177</u>	<u>-</u>	<u>598.636.775.695</u>

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 50.482.541.154 VND (tại ngày 31/12/2019 là 25.090.732.892 VND).

Nguyên giá tài sản nhận bàn giao từ Tổng Công ty khi đưa máy vào vận hành, không có xác định được nguyên giá chi tiết theo từng tài sản riêng biệt, theo đó Nhà máy ghi nhận tăng nguyên giá, xác định thời gian sử dụng ước tính của tài sản theo hệ thống, cụm dây truyền tổng hợp.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định hữu hình là khuôn ép nhựa ốp trái, phải và khuôn đế đồng hồ tấp lô với nguyên giá và hao mòn lũy kế tại ngày 31/12/2020 là 1.006.800.000 VND (tại 31/12/2019 là 1.006.800.000 VND) được xác định là thiếu trong quá trình kiểm kê và đang trong quá trình làm việc để xác định nguyên nhân.

Tại ngày 31/12/2020, Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hỏng tạm thời không sử dụng là 37.533.042.712 VND (giá trị còn lại: 7.555.459.645 VND), nguyên giá tài sản cố định hữu hình hỏng đang sử dụng là 1.227.530.463 VND (giá trị còn lại: 0 VND), nguyên giá tài sản cố định hữu hình hỏng chờ thanh lý 2.474.979.947 VND (giá trị còn lại: 0 VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>				
Tại ngày đầu năm	50.914.485.243	1.571.301.023	84.500.000	52.570.286.266
Tại ngày cuối năm	50.914.485.243	1.571.301.023	84.500.000	52.570.286.266
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Tại ngày đầu năm	1.532.673.276	821.285.205	63.565.254	2.417.523.735
Khấu hao trong năm	181.067.856	246.283.176	6.333.192	433.684.224
Tại ngày cuối năm	1.713.741.132	1.067.568.381	69.898.446	2.851.207.959
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu năm	49.381.811.967	750.015.818	20.934.746	50.152.762.531
Tại ngày cuối năm	49.200.744.111	503.732.642	14.601.554	49.719.078.307

Ghi chú:

- (i) Trong đó bao gồm giá trị quyền sử dụng lô đất tại số 37 Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh với nguyên giá là 10.262.436.326 VND đang trong quá trình làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

**15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn</b>		
Xây dựng cơ bản (i)	56.529.995.370	56.529.995.370
Mua sắm tài sản cố định	1.266.581.818	-
Sửa chữa cải tạo	537.921.514	586.242.423
<b>Cộng</b>	<b>58.334.498.702</b>	<b>57.116.237.793</b>

Ghi chú:

- (i) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Đầu tư sản xuất máy kéo 4 bánh hạng trung thể hiện phí bản quyền chuyển giao công nghệ theo Hợp đồng số 02/VEAM-ISEKI/2016 ký ngày 05/7/2016 với ISEKI & CO., LTD với số tiền là 56.529.995.370 VND cho Dự án Đầu tư sản xuất máy kéo 4 bánh hạng trung tại Bim Sơn. Tổng Công ty đã được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ theo Công văn số 24/GCN-BKHCN tại ngày 02/8/2016. Theo Nghị quyết số 58/NQ-HĐQT ngày 26/6/2020 của Hội đồng Quản trị đã quyết giao Tổng Giám đốc Tổng Công ty chỉ đạo triển khai các công việc tiếp tục đánh giá thị trường máy kéo bốn bánh (MK4B) theo hướng hợp tác với các đơn vị tư vấn đánh giá thị trường chuyên nghiệp để có cơ sở cho các quyết định đầu tư phát triển và thực hiện chế thử hợp số MK4B theo thiết kế của Li - xăng ISEKI nhằm tận dụng năng lực sản xuất cơ khí có sẵn của các đơn vị trong Tổng Công ty cũng như các đơn vị bên ngoài để giảm thiểu tối đa tổng mức đầu tư sản xuất. hiện tại, Cơ quan có thẩm quyền đang làm rõ trách nhiệm cá nhân liên quan đến việc phê duyệt dự án.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>14.221.143.005</b>	<b>14.221.143.005</b>	<b>11.857.336.331</b>	<b>11.857.336.331</b>
Công ty CP Sản xuất kinh doanh Vật tư Thiết bị Công nghiệp	2.975.778.300	2.975.778.300	-	-
Công ty Sắt Cao Bằng (Công ty Đức 1)	637.516.891	637.516.891	637.516.891	637.516.891
Công ty TNHH Đầu tư Carbon Việt Nam	1.495.829.500	1.495.829.500	979.880.000	979.880.000
Phải trả cho các đối tượng khác	9.112.018.314	9.112.018.314	10.239.939.440	10.239.939.440

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải nộp/Phải thu đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải nộp/Phải thu cuối năm
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	1.712.681	20.656.762.631	18.979.583.289	1.678.892.023
Thuế tiêu thụ đặc biệt	49.565.217	49.565.217	99.130.434	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	2.379.506.466	2.379.506.466	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	151.556.630.184	116.883.737.382	34.672.892.802
Thuế thu nhập cá nhân	2.503.268.086	15.565.687.657	16.170.464.321	1.898.491.422
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	656.441.445	648.402.817	8.038.628
Các loại thuế khác	-	334.662.400	334.662.400	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	4.707.061.798	-	-	4.707.061.798
<b>Cộng</b>	<b>7.261.607.782</b>	<b>191.199.256.000</b>	<b>155.495.487.109</b>	<b>42.965.376.673</b>
<b>Phải thu</b>				
Thuế xuất, nhập khẩu	7.488.389	7.488.389	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.122.271.669	6.122.271.669	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	120.259.971	120.259.971
<b>Cộng</b>	<b>6.129.760.058</b>	<b>6.129.760.058</b>	<b>120.259.971</b>	<b>120.259.971</b>

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trích trước chi phí bảo hành sản phẩm	46.303.753	10.068.380.597
Trích trước chi phí khách hàng thân thiện	-	1.545.000.000
Trích trước chi phí vận chuyển	9.785.496.579	9.785.496.579
Các khoản trích trước khác	6.440.869.380	6.417.254.575
<b>Cộng</b>	<b>16.272.669.712</b>	<b>27.816.131.751</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**19. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.123.538.940.125</b>	<b>5.190.764.647.956</b>
Kinh phí công đoàn	794.873.556	1.442.642.325
Bảo hiểm xã hội	36.783.240	6.581.813
Bảo hiểm y tế	6.491.160	-
Bảo hiểm thất nghiệp	2.884.960	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	805.712.322.683	5.161.172.008.301
Lợi nhuận tạm nộp của công ty con	268.739.091.773	-
Tài sản thừa chờ xử lý (i)	23.837.393.693	22.356.587.113
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.343.237.431	1.334.743.402
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	21.065.861.629	4.452.085.002
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>26.052.791.574</b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	26.052.791.574
<b>Cộng</b>	<b>1.123.538.940.125</b>	<b>5.216.817.439.530</b>

Ghi chú:

- (i) Tài sản thừa theo Biên bản kiểm kê ngày 31/12/2019 và 31/12/2020, Báo cáo Kết quả kiểm kê số 38/BC-VM ngày 07/02/2020 và Báo cáo Kết quả kiểm kê số 150A/BC-HĐKK ngày 02/3/2021 của Hội đồng kiểm kê, tuy nhiên không bao gồm giá trị tài sản thừa là vật tư, hàng hóa kiểm kê thừa không xác định được đơn giá, theo đó không được ghi nhận trong giá trị tài sản thừa chờ xử lý

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp của chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2019</b>	<b>13.288.000.000.000</b>	<b>5.224.454.595.986</b>	<b>18.512.454.595.986</b>
Lãi trong năm	-	7.043.428.871.244	7.043.428.871.244
Trích lập các quỹ	-	(63.374.464.233)	(63.374.464.233)
Chia cổ tức	-	(5.161.059.200.000)	(5.161.059.200.000)
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>13.288.000.000.000</b>	<b>7.043.449.802.997</b>	<b>20.331.449.802.997</b>
Lãi trong năm	-	7.302.631.278.503	7.302.631.278.503
Trích lập các quỹ (i)	-	(78.804.892.982)	(78.804.892.982)
Chia cổ tức (i)	-	(6.980.053.520.000)	(6.980.053.520.000)
<b>Tại ngày 30/12/2020</b>	<b>13.288.000.000.000</b>	<b>7.287.222.668.518</b>	<b>20.575.222.668.518</b>

Ghi chú:

- (i) Phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Tờ trình số 498/TTr-HĐQT, Nghị quyết số 59/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/6/2020 và điều chỉnh theo Công văn số 9603/BCT-TC ngày 14/12/2020 của Bộ Công thương. Trong đó:
- Chia cổ tức năm 2019 với số tiền là 6.980.053.520.000 VND;
  - Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi số tiền là 62.138.583.000 VND;
  - Trích quỹ khen thưởng người quản lý số tiền là 1.228.350.000 VND.

Tạm trích quỹ từ lợi nhuận năm 2020 theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 109/NQ-HĐQT ngày 18/12/2020. Trong đó:

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi số tiền là 14.744.959.982 VND;
- Quỹ khen thưởng người quản lý số tiền là 693.000.000 VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.328.800.000	1.328.800.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.328.800.000</i>	<i>1.328.800.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.328.800.000	1.328.800.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.328.800.000</i>	<i>1.328.800.000</i>

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (sửa đổi lần thứ mười ngày 01 tháng 7 năm 2020), vốn điều lệ của Tổng Công ty là 13.288.000.000.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 13.288.000.000.000 VND). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Bộ Công thương	11.755.829.660.000	88,47%	11.755.829.660.000	88,47%
Các đối tượng khác	1.532.170.340.000	11,53%	1.532.170.340.000	11,53%
<b>Cộng</b>	<b>13.288.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>13.288.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- USD	557.252,49	373.118,60

**22. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Tổng Công ty là kinh doanh máy động lực và máy nông nghiệp. Trong năm, Tổng Công ty không có hoạt động sản xuất kinh doanh nào khác trọng yếu, theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đều liên quan đến hoạt động kinh doanh máy động lực và máy nông nghiệp. Doanh thu, giá vốn theo từng hoạt động kinh doanh được trình bày tại các Thuyết minh số 23 và số 24.

Tổng Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Tổng Công ty không lập báo cáo bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý nào ngoài Việt Nam.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

#### 23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu bán hàng hóa (i)	25.994.384.915	58.621.157.154
Doanh thu bán thành phẩm	395.105.138.680	610.587.499.096
Doanh thu cung cấp dịch vụ	22.458.054.989	15.754.307.158
Doanh thu khác	137.808.237	398.622.801
<b>Cộng</b>	<b>443.695.386.821</b>	<b>685.361.586.209</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>7.473.182</b>	<b>5.442.364</b>
Hàng bán bị trả lại	7.473.182	5.442.364
<b>Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ</b>	<b>443.687.913.639</b>	<b>685.356.143.845</b>

Ghi chú:

- (i) Doanh thu bán hàng hóa năm trước không bao gồm doanh thu bán 450 xe Mighty 2017 cho Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ TCG được bàn giao trong năm 2019 nhưng được ghi nhận doanh thu 261.818.181.900 VND và giá vốn 229.707.416.374 VND trong năm 2018.

#### 24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán (i)	23.925.677.252	54.976.783.833
Thuế nhập khẩu bị truy (ii)	-	163.423.557.721
Giá vốn của thành phẩm đã bán	332.484.306.877	553.990.319.777
Giá vốn dịch vụ	10.725.443.599	9.395.337.426
Giá vốn khác	2.238.306.749	114.449.924
Các khoản chi phí vượt mức bình thường	56.709.600.341	62.779.867.563
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	248.122.877.671	178.182.471.725
<b>Cộng</b>	<b>674.206.212.489</b>	<b>1.022.862.787.969</b>

Ghi chú:

- (i) Giá vốn của hàng hóa đã bán năm trước không bao gồm giá vốn bán 450 xe Mighty 2017 cho Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ TCG được bàn giao trong năm 2019 và ghi nhận giá vốn là 229.707.416.374 VND trong năm 2018.
- (ii) Trong năm trước, Tổng Công ty bị ấn định thuế nhập khẩu theo Công văn số 195/QĐ-HQHN ngày 05/3/2019 do khai sai mã HS, thuế suất đối với hàng nhập khẩu số tiền là 163.423.557.721 VND. Tổng Công ty đã ghi nhận khoản ấn định thuế này vào giá vốn hàng bán và xác định chi phí này là chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	928.663.438.031	845.326.845.826
Lãi hỗ trợ vốn (i)	828.153.491	1.367.015.737
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.990.928.113.268	6.979.877.638.440
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.681.729	338.372.949
Doanh thu hoạt động tài chính khác	999.409.789	432.246.849
<b>Cộng</b>	<b>7.921.421.796.308</b>	<b>7.827.342.119.801</b>

Ghi chú:

- (i) Trong năm, Tổng Công ty ghi nhận lãi hoạt động hỗ trợ vốn của các khoản hỗ trợ vốn cho các công ty con và công ty liên kết với số tiền là 828.153.491 VND (năm 2019 là 1.367.015.737 VND). Lãi hoạt động hỗ trợ vốn phát sinh từ các khoản hỗ trợ vốn trên được Tổng Công ty xác định và ghi nhận phụ thuộc vào tình hình sản xuất kinh doanh của từng công ty con và công ty liên kết với lãi suất từ 0%/năm-5%/năm (năm 2019 là 0%/năm-5%/năm).

**26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	2.714.545.916	80.031.575.689
Lỗ chênh lệch tỷ giá	92.672.818	154.021.864
<b>Cộng</b>	<b>2.807.218.734</b>	<b>80.185.597.553</b>

**27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>	<b>208.182.533.341</b>	<b>191.218.111.353</b>
Chi phí nhân viên quản lý	96.119.421.010	82.585.348.905
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	17.015.512.596	18.291.635.423
Chi phí dự phòng	57.989.386.467	16.841.290.925
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.206.074.076	3.734.690.974
Chi phí bằng tiền khác	30.852.139.192	69.765.145.126
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>	<b>10.970.310.027</b>	<b>33.893.955.769</b>
Chi phí nhân viên	6.749.916.471	8.091.533.820
Chi phí vật liệu, bao bì	1.013.081.030	3.047.984.683
Chi phí khấu hao TSCĐ	603.958.940	690.638.244
Chi phí bảo hành	570.459.313	1.671.672.668
Hoàn nhập chi phí nhân công bảo hành	(4.100.467.883)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.239.507.303	13.905.221.827
Hoàn nhập chi phí bảo hành, bảo dưỡng, hoa hồng	(3.213.250.000)	-
Chi phí bằng tiền khác	3.107.104.853	6.486.904.527
<b>Cộng</b>	<b>219.152.843.368</b>	<b>225.112.067.122</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**28. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Các khoản bị phạt (i)	224.641.312	84.450.052.214
Chi phí khấu hao tài sản cố định không sử dụng	9.767.122.692	9.767.122.692
Chi phí dự án không tiếp tục triển khai	-	3.037.342.130
Các khoản khác	280.652.217	527.949.915
<b>Cộng</b>	<b>10.272.416.221</b>	<b>97.782.466.951</b>

Ghi chú:

- (i) Trong đó: Năm trước, Tổng Công ty bị phạt theo Công văn ấn định thuế nhập khẩu số 195/QĐ-HQHN ngày 05/3/2019 do Cục Hải quan thành phố Hà Nội ban hành ngày 05/3/2019 do khai sai mã HS với số tiền là 82.878.971.200 VND.

**29. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	154.852.708.164	315.354.921.349
Chi phí nhân công	140.456.084.712	161.701.736.656
Chi phí khấu hao tài sản cố định	90.402.434.115	95.983.078.492
Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.244.346.282	61.768.769.179
Chi phí khác bằng tiền	39.390.919.667	704.196.362.69
Chi phí dự phòng	293.895.576.247	194.771.089.826
<b>Cộng</b>	<b>758.242.069.187</b>	<b>899.999.231.771</b>

**30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

hờ	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	7.460.310.180.356	7.088.221.514.418
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(6.664.995.079.483)	(6.864.258.298.549)
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(6.990.928.113.268)	(6.979.877.638.440)
Cộng: Các khoản chi phí không được trừ (i)	32.095.949.996	115.619.339.891
Lỗ của Nhà máy Ô tô VEAM	293.837.083.789	-
<b>Thu nhập chịu thuế hiện hành (iii)</b>	<b>795.315.100.873</b>	<b>223.963.215.869</b>
Thuế suất thông thường	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>159.063.020.175</b>	<b>44.792.643.174</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm trừ (ii)	(1.384.118.321)	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>157.678.901.853</b>	<b>44.792.643.174</b>
<b>Trong đó:</b>		
+ Thuế TNDN văn phòng và Chi nhánh hạch toán phụ thuộc	154.449.292.435	
+ Thuế TNDN Nhà máy đúc VEAM	3.229.609.418	

Ghi chú:

- (i) Ngoài khoản điều chỉnh thu nhập chịu thuế là 32.095.949.996 VND. Tổng Công ty xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận cho mục đích tính thuế không có sự khác biệt so với lợi nhuận kế toán. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.
- (ii) Nhà máy Đúc VEAM đang tự xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm trong năm là 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 theo Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (TIẾP THEO)**

Ghi chú (Tiếp theo):

- (iii) Tại ngày 31/12/2020, Nhà máy có khoản lỗ lũy kế còn được chuyển lỗ là 283.838.825.667 VND. Kế hoạch chuyển lỗ các khoản lỗ lũy kế đến 31/12/2020 phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh trong tương lai của Nhà máy. Do Nhà máy chưa dự tính được khi nào sẽ có lợi nhuận để chuyển lỗ trong thời gian tới nên Nhà máy chưa ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại tương ứng trên báo cáo tài chính này. Các khoản lỗ này (nếu không được chuyển lỗ hàng năm) sẽ đáo hạn theo lịch biểu sau:

Năm phát sinh lỗ tính thuế	Thời gian được chuyển lỗ	Số lỗ phát sinh	Số lỗ đã chuyển	Số lỗ còn được chuyển
2020	2021 - 2025	283.838.825.667	-	283.838.825.667
<b>Cộng</b>		<b>283.838.825.667</b>	<b>-</b>	<b>283.838.825.667</b>

**31. THU NHẬP BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC**

Thù lao, tiền lương của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Người quản lý khác được hưởng trong năm như sau:

Thành viên HĐQT/ Ban	Chức vụ	Năm nay
<b>Tổng Giám đốc</b>		
Ông Nguyễn Khắc Hải	Chủ tịch HĐQT (Bầu ngày 29/6/2020), Quyền Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 01/4/2020 và miễn nhiệm ngày 29/6/2020)	1.441.591.034
Ông Bùi Quang Chuyên	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 29/6/2020)	1.024.096.000
Ông Phan Phạm Hà	Thành viên (Bầu ngày 29/6/2020), Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 29/6/2020)	1.047.776.400
Ông Ngô Văn Tuyền	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 29/6/2020), Quyền Tổng Giám	905.571.000
Ông Vũ Quang Tâm	Thành viên HĐQT (Tạm thời đình chỉ chức vụ thành viên HĐQT)	240.171.000
Bà Nguyễn Thị Nga	Thành viên	289.330.196
Ông Lê Hữu Phúc	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 29/6/2020)	143.371.000
Ông Nguyễn Tiến Vy	Thành viên độc lập	289.330.196
Ông Phan Kim Thoa	Thành viên độc lập (Bầu ngày 29/6/2020)	146.687.196
Ông Hồ Mạnh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	1.324.762.630
Ông Phạm Vũ Hải	Phó Tổng Giám đốc	1.182.878.727
Ông Lê Đức Doanh	Phó Tổng Giám đốc	1.182.878.727
Ông Lê Minh Quy	Phó Tổng Giám đốc	1.182.878.727
Ông Văn Đình Quân	Kế toán trưởng	993.233.248
Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát		2.356.020.596
<b>Cộng</b>		<b>13.750.576.677</b>

**32. THÔNG TIN KHÁC**

**Quyết toán cổ phần hóa**

Báo cáo tài chính riêng được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 chưa bao gồm các điều chỉnh (nếu có) liên quan đến việc quyết toán cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty do Tổng Công ty chưa có biên bản phê duyệt quyết toán cổ phần hóa của các cơ quan có thẩm quyền tại ngày Công ty mẹ - Tổng Công ty chính thức chuyển thành Công ty cổ phần. Đồng thời, các lô đất thuê trong toàn Tổng Công ty đang được rà soát để ký lại các hợp đồng thuê đất với các cơ quan có thẩm quyền khi Tổng Công ty chuyển từ Công ty TNHH MTV sang Công ty cổ phần

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**33. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức, lợi nhuận được chia không bao gồm 3.062.998.142.660 VND, là số tiền cổ tức đã chốt quyền hoặc lợi nhuận được chia theo nghị quyết nhưng chưa được thanh toán trong năm (năm 2019: 2.936.411.280.370 VND). Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên chỉ tiêu "Tăng/giảm các khoản các khoản phải thu" và chỉ tiêu: "Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia".

Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu không bao gồm 805.712.322.683 VND, là số tiền cổ tức đã chốt quyền theo nghị quyết đã có hiệu lực trong năm nhưng chưa được thanh toán (năm 2019 là 5.161.172.008.301 VND). Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên chỉ tiêu "Tăng/giảm các khoản phải trả" và chỉ tiêu: "Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu".



Phan Phạm Hà  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2021

Văn Đình Quân  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Hồng  
Người lập biểu